

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN MINH HÀ

ĐẶC ĐIỂM BẢN SẮC CÁ NHÂN Ở THANH THIẾU NIÊN

Chuyên ngành: Tâm lý học

Mã số: 62 31 04 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

Hà Nội - 2020

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hằng
PGS. TS. Bùi Thị Hồng Thái

Phản biện:

Phản biện:

Phản biện:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

vào hồi:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2021

Có thể tìm luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Bản sắc là một trong những vấn đề được nghiên cứu phổ biến nhất trong các ngành khoa học xã hội, trong đó có ngành tâm lý học. Theo từ điển tâm lý học của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện (1995), bản sắc là “Cái cội gốc riêng biệt, với những sắc thái độc đáo của bản ngã một con người, hay của một dân tộc”. Tìm hiểu về bản sắc cũng chính là đi tìm câu trả lời cho các câu hỏi: “Tôi là ai”, “Sau này tôi sẽ trở thành người như thế nào”. Khi mà xã hội ngày càng phát triển mạnh mẽ, đứng trước sự xâm nhập của những ảnh hưởng văn hóa tiêu cực từ bên ngoài, các chuẩn mực văn hóa xưa cũ bị thách thức, sự ra đời của mạng xã hội cùng với những khó khăn mang tính đặc trưng của tuổi dậy thì, quá trình hình thành bản sắc của con người càng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau và gặp nhiều trở ngại hơn. Theo đó hành trình tìm ra phương hướng, mục tiêu, ý nghĩa cuộc sống của con người trở nên khó khăn hơn, họ có nhiều nguy cơ phải đối mặt với khủng hoảng tâm lý, kéo theo cảm giác không hạnh phúc, mất giá trị, lạc lối, thu mình khỏi các hoạt động thường ngày (học hành, công việc, các mối quan hệ) hay thậm chí tham gia vào những hành vi tiêu cực (Schultz & Schultz, 2009). Đề hướng tới một xã hội với những công dân phát triển lành mạnh về cả thể chất và tâm lý, có khả năng đóng góp và cống hiến thì nghiên cứu bản sắc là một việc hết sức cần thiết.

Lứa tuổi thanh thiếu niên giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển của con người vì nó là thời kỳ “quá độ” từ trẻ em sang tuổi trưởng thành. Trên bình diện xã hội, theo Báo cáo Quốc gia về thanh niên Việt Nam 2015, nhóm tuổi này chiếm tỷ lệ 27,7% dân số cả nước, đưa nước ta bước vào thời kỳ cơ cấu dân số vàng (số người trong độ tuổi lao động chiếm tỷ trọng cao hơn số người phụ thuộc), theo đó thanh thiếu niên đóng vai trò quan trọng trong việc phát huy tiềm lực của đất nước và hướng tới sự phát triển kinh tế - xã hội. Ở độ tuổi này, thanh thiếu niên trải qua những biến đổi mạnh mẽ về tâm sinh lý, theo sau đó là những dấu mốc quan trọng trên đường đời như lựa chọn ngành nghề theo đuổi, tìm kiếm việc làm, lên kế hoạch kết hôn... Tính chất các mối quan hệ xã hội trong giai đoạn này cũng có nhiều thay đổi, mối quan hệ với bố mẹ trở nên giãn ra so với thời kỳ trước, ngược lại, thanh thiếu niên gia nhập nhiều hơn vào các nhóm xã hội, đóng các vai trò khác nhau và tiếp nhận thêm nhiều giá trị mới. Từ đây có thể nảy sinh các mâu thuẫn về mặt giá trị ở họ,

song song với những khó khăn thường thấy ở tuổi này như khó khăn trong học tập, định hướng nghề nghiệp, trong các mối quan hệ.

Theo đó, nghiên cứu đặc điểm bản sắc của thanh thiếu niên là một công việc quan trọng và có ý nghĩa thực tiễn lớn, bởi vì quá trình phát triển và hoàn thiện bản sắc cá nhân không giới hạn chỉ trong độ tuổi vị thành niên mà còn kéo dài sau đó và có tác động tới chất lượng cuộc sống tâm lý của cá nhân những năm tháng sau này. Nắm bắt được các yếu tố ảnh hưởng cũng như các khó khăn của quá trình này sẽ là chỉ dẫn để có những can thiệp làm giảm thiểu tác động của các ảnh hưởng tiêu cực và khó khăn gặp phải, thúc đẩy quá trình hình thành bản sắc được thuận lợi và đúng đắn, lành mạnh, từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống.

Xuất phát từ những lý do trên, tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: ***“Đặc điểm bản sắc cá nhân ở thanh thiếu niên”***.

2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của nghiên cứu là làm rõ trạng thái bản sắc của thanh thiếu niên (15 – 25 tuổi) trong môi trường liên hệ với một số yếu tố nhân khẩu cùng yếu tố tâm lý cá nhân và liên cá nhân. Qua đó, nghiên cứu dựng lên đặc điểm từng trạng thái bản sắc và trên cơ sở đó đề xuất một số kiến nghị nhằm thúc đẩy thanh thiếu niên phát triển bản sắc lành mạnh hơn.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là trạng thái bản sắc của thanh thiếu niên.

4. Khách thể nghiên cứu

4.1. Khách thể nghiên cứu: 502 thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 15-25 đang sinh sống và làm việc trên địa bàn Hà Nội, Thái Nguyên, Bắc Ninh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- **Về nội dung:** Luận án giới hạn nghiên cứu thực tiễn ở các nội dung cụ thể:

+ Bản sắc của thanh thiếu niên trong phạm vi luận án được thao tác trong khung khái niệm trạng thái bản sắc của J. Marcia.

+ Thiết kế nghiên cứu là nghiên cứu cắt ngang, do đó những phân tích về ảnh hưởng được giới hạn trong khả năng dự báo của biến số độc lập (là các yếu tố tâm lý cá nhân và liên cá nhân).

+ Các biến số tham gia dự báo sự thay đổi của trạng thái bản sắc bao gồm yếu tố tâm lý cá nhân (lòng tự trọng, cảm nhận hạnh phúc phụ thuộc lẫn nhau, niềm tin vào hiệu quả của bản thân, tiêu điểm kiểm

soát) và liên cá nhân (đánh giá hành vi của cha mẹ, gắn bó với bạn bè, trải nghiệm ở trường học).

- *Về địa bàn:* Luận án được tiến hành trên địa bàn 3 tỉnh, thành phố Hà Nội, Thái Nguyên và Bắc Ninh.

- *Về thời gian:* Luận án được tiến hành từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2020.

5. Giả thuyết nghiên cứu

- Trạng thái bản sắc của thanh thiếu niên phân bố chủ yếu vào bản sắc tạm hoãn, trong khi đó bản sắc đạt được chiếm tỉ lệ nhỏ. Đồng thời, trạng thái bản sắc của thanh thiếu niên có xu hướng tiến dần lên mức phát triển cao hơn theo thời gian, cho thấy tỉ lệ bản sắc mơ hồ giảm dần cũng như tỉ lệ bản sắc đạt được tăng dần.
- Có sự khác biệt về giới tính, nhóm tuổi, trình độ học vấn, nơi sống, thứ tự sinh, trạng thái mối quan hệ, người có ý nghĩa nhất, điều kiện kinh tế của gia đình trên các điểm số trạng thái bản sắc.
- Các yếu tố tâm lý cá nhân như lòng tự trọng, cảm nhận hạnh phúc, niềm tin vào hiệu quả của bản thân, tiêu điểm kiểm soát bên trong và các yếu tố tâm lý liên cá nhân như sự chấp nhận, kỷ luật của cha mẹ, gắn bó an toàn với bạn bè và trải nghiệm tích cực ở trường học dự báo tích cực cho bản sắc đạt được.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

- *Nhiệm vụ nghiên cứu lý luận*

+ Điềm luận các tiếp cận/các xu hướng nghiên cứu vấn đề và các nghiên cứu cụ thể, chỉ ra các gợi ý cho nghiên cứu tiếp theo.

+ Tìm hiểu các phương pháp, công cụ nghiên cứu đề tài luận án.

+ Làm rõ các khái niệm liên quan đến đề tài.

- *Nhiệm vụ nghiên cứu thực tiễn*

+ Làm rõ thực trạng định hình bản sắc của thanh thiếu niên (theo bốn trạng thái bản sắc với hai tiêu chí khám phá và cam kết);

+ Chỉ ra sự khác biệt về đặc điểm nhân khẩu - xã hội (giới tính, nhóm tuổi, trình độ học vấn, nơi sống, thứ tự sinh, trạng thái mối quan hệ, người có ý nghĩa nhất, điều kiện kinh tế của gia đình) giữa các trạng thái bản sắc của thanh thiếu niên.

+ Phân tích khả năng dự báo của yếu tố tâm lý (lòng tự trọng, cảm nhận hạnh phúc phụ thuộc lẫn nhau, niềm tin vào hiệu quả của bản thân, tiêu điểm kiểm soát, hành vi của cha mẹ, gắn bó với bạn bè, trải nghiệm ở trường học) đến trạng thái bản sắc của thanh thiếu niên.

+ Đề xuất một số kiến nghị nhằm hỗ trợ cho thanh thiếu niên trong quá trình phát triển bản sắc cá nhân.

7. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp sau:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu
- Phương pháp điều tra bảng hỏi
- Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

8. Đóng góp mới của luận án

8.1. Về lý luận

Luận án hệ thống hóa các lý thuyết tiếp cận bản sắc cá nhân trên thế giới, bổ sung thêm vào khoảng trống trong hệ thống nghiên cứu lý luận tại Việt Nam đối với khái niệm bản sắc.

8.2. Về thực tiễn

- Luận án bước đầu thích ứng một số thang đo chủ đạo liên quan đến lĩnh vực bản sắc, từ đó cung cấp một số công cụ có giá trị đối với những nhà nghiên cứu quan tâm đến chủ đề bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên.

- Thông qua điều tra bảng hỏi, luận án hướng tới bước đầu xây dựng chân dung trạng thái bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên Việt Nam trong môi trường liên hệ với một số yếu tố tâm lý cá nhân và liên cá nhân.

- Kết quả của luận án chỉ ra những khác biệt trong việc định hình bản sắc của thanh thiếu niên trên thế giới và ở Việt Nam.

- Từ các kết quả đó, một số gợi ý sẽ được đề xuất để hỗ trợ can thiệp và giúp đỡ cho các thanh thiếu niên gặp khó khăn trong quá trình hình thành bản sắc.

9. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, kiến nghị, danh mục các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến luận án, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án được kết cấu gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu về bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên

Chương 2: Cơ sở lý luận về bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên

Chương 3: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Chương 4: Kết quả nghiên cứu thực tiễn

Chương 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ BẢN SẮC CÁ NHÂN Ở THANH THIẾU NIÊN

Trong chương này, các nghiên cứu về bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên được hệ thống theo hai hướng. Một là những nghiên cứu

chỉ ra quá trình bản sắc theo tiếp cận phát triển, tiếp cận lứa tuổi, tiếp cận đa chiều cạnh. Hai là những nghiên cứu về bản sắc với các yếu tố tâm lý cá nhân, liên cá nhân có liên quan (ở đây chúng tôi coi là yếu tố ảnh hưởng). Mặc dù nội dung bản sắc là một hướng tiếp cận, các nhà nghiên cứu tâm lý không cố gắng đưa ra mẫu số chung về nội dung bản sắc mà đặt những lĩnh vực nội dung đó trong mối quan hệ với các yếu tố tâm lý khác nhằm làm sáng rõ. Trên cơ sở tổng quan vấn đề, chúng tôi bàn luận về khoảng trống nghiên cứu.

1.1. Những nghiên cứu về bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên trên bình diện quá trình

Nhằm nghiên cứu về quá trình hình thành bản sắc của thanh thiếu niên, nhiều hướng nghiên cứu đã được triển khai. Hướng thứ nhất tập trung vào mối quan hệ giữa giai đoạn “Hình thành bản sắc và lẫn lộn vai trò” và các giai đoạn khác trong mô hình 8 giai đoạn phát triển tâm lý xã hội của Erikson. Hướng thứ hai, ngược lại với hướng đầu tiên, chỉ tập trung vào giai đoạn hình thành bản sắc và nỗ lực khái niệm hóa nó trên một trục liên tục từ thấp đến cao. Theo đó, những nghiên cứu dạng này sẽ đánh giá việc cá nhân có đạt được một bản sắc tổng thể hay không và ở mức độ cao thấp ra sao, cũng như tìm hiểu mối quan hệ giữa bản sắc đạt được với những biến số khác liên quan đến nhân cách. Hướng thứ ba và cũng là hướng tiếp cận phổ biến, tập trung nghiên cứu bản sắc thông qua nhiều chiều cạnh cụ thể của bản sắc được Erikson mô tả. Phổ biến trong số đó là những nghiên cứu dựa trên lý thuyết trạng thái bản sắc của Marcia.

1.2 Những nghiên cứu về bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên theo yếu tố ảnh hưởng

Bên cạnh những nghiên cứu về quá trình định hình bản sắc còn có những nghiên cứu về mối quan hệ giữa bản sắc cá nhân với yếu tố tâm lý cá nhân và yếu tố tâm lý liên cá nhân. Những yếu tố tâm lý cá nhân được đề cập gồm có lòng tự trọng, cảm nhận hạnh phúc, niềm tin vào hiệu quả của bản thân, tiêu điểm kiểm soát. Những yếu tố tâm lý liên cá nhân được xem xét gồm có hành vi của cha mẹ, gắn bó với bạn bè, trải nghiệm ở trường học.

1.3. Khoảng trống nghiên cứu

Phần tổng quan trên đã lược ra bức tranh chung các dòng nghiên cứu về bản sắc cá nhân trên thế giới. Như đã trình bày, vấn đề bản sắc cá nhân được triển khai hai nghiên cứu theo quá trình (đi theo tiếp cận phát triển, tiếp cận lứa tuổi, tiếp cận đa chiều cạnh) và theo nội dung (trong mối liên hệ với nhiều yếu tố tâm lý khác mà luận án chỉ lựa chọn nêu ra một vài yếu tố cá nhân và liên cá nhân), hết sức đa dạng

phong phú. Theo đó, khoảng trống nghiên cứu về bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên được giới hạn lại ở sự thích ứng với bối cảnh văn hóa: một mặt, vấn đề nghiên cứu này còn rất mới mẻ ở Việt Nam; mặt khác, chúng tôi cho rằng bối cảnh văn hóa cộng đồng của phương Đông sẽ có tác động lớn đến cách thức cá nhân định hình bản sắc so với bối cảnh văn hóa cá nhân của phương Tây, từ đó dẫn đến những khác biệt nhất định.

Trong phạm vi tìm hiểu của chúng tôi, các công trình trong nước nghiên cứu sâu rộng về chủ đề bản sắc/ quá trình đồng nhất hóa ở tuổi vị thành niên còn hạn chế. Trên đối tượng thanh thiếu niên, có nhiều hướng triển khai nghiên cứu về cách nhóm tuổi này tự nhìn nhận mình như nghiên cứu về sự tự đánh giá, hình ảnh cái tôi trong đời sống thực tế và trên mạng xã hội. Rộng hơn, những nghiên cứu gắn với từ “bản sắc” thường liên quan đến bản sắc dân tộc, bản sắc văn hóa... trong đó gián tiếp đề cập tới bản sắc cá nhân hay “cái Tôi”. Những nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn trên về cái Tôi hay bản sắc tuy không có cùng nội hàm với khái niệm bản sắc cá nhân trong nghiên cứu này (do khác biệt về tiếp cận với một bên là tiếp cận văn hóa và xã hội và một bên là tiếp cận cá nhân và phát triển), song nó nhấn mạnh tầm quan trọng của bối cảnh văn hóa-xã hội (tính cộng đồng, vai trò giới, sự toàn cầu hóa) cũng như gợi ra sự cần thiết về việc nghiên cứu bản sắc cá nhân và thích ứng bộ công cụ đánh giá trạng thái bản sắc (vốn được thiết kế trên nền văn hóa theo xu hướng cá nhân) trong một nền văn hóa theo xu hướng cộng đồng như Việt Nam.

Tiểu kết chương 1

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢN SẮC CÁ NHÂN CỦA THANH THIẾU NIÊN

Chương này sẽ trình bày các khái niệm công cụ của luận án gồm bản sắc cá nhân, thanh thiếu niên; lý luận về tâm lý thanh thiếu niên có liên quan đến sự hình thành bản sắc cá nhân; điểm lược các lý thuyết về bản sắc cá nhân như lý thuyết phát triển tâm lý – xã hội của Erikson, lý thuyết trạng thái bản sắc của Marcia, các hướng nghiên cứu Erikson mới; và một số yếu tố tham gia dự báo bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên.

2.1. Khái niệm công cụ

2.1.1. Khái niệm bản sắc: “Bản sắc cá nhân là trạng thái mà cá nhân định vị mình là ai trong quá trình phát triển, được quyết định chủ yếu bởi những lựa chọn liên quan đến đặc điểm cá nhân và xã

hội nhất định (khám phá) cùng sự gắn kết của họ với lựa chọn đó (cam kết). Khám phá đề cập đến một khoảng thời gian suy nghĩ lại, phân loại, thử sức với nhiều vai trò và kế hoạch cuộc sống khác nhau. Cam kết liên quan đến mức độ đầu tư cá nhân mà một người thể hiện trong quá trình hành động hoặc trong niềm tin.”

2.1.2. Khái niệm thanh thiếu niên: “Thanh thiếu niên là những người ở trong độ tuổi 15-25, đã trải qua những thay đổi tâm sinh lý trong giai đoạn dậy thì kéo theo những mối bận tâm đặc biệt về bản thân và cơ thể cũng như nâng cao năng lực nhận thức xã hội, hướng dần đến sự tự chủ, chuẩn bị hoặc đang bước vào độ tuổi trưởng thành với nhiệm vụ khám phá các vai trò khác nhau và dần đi đến cam kết về một bản sắc tương đối thống nhất, hoàn chỉnh.”

- Vài nét về tâm lý thanh thiếu niên có liên quan đến sự hình thành bản sắc cá nhân:

Quá trình hình thành bản sắc không bắt đầu hay kết thúc ở tuổi vị thành niên nhưng phát triển mạnh ở thời kỳ này nhờ vào sự thay đổi lớn về mặt cơ thể, tâm lý và xã hội. Điều quan trọng về bản sắc ở tuổi vị thành niên đặc biệt là cuối tuổi vị thành niên, đó là lần đầu tiên sự phát triển thể chất, kỹ năng nhận thức và kỳ vọng xã hội trùng khớp để cho phép những người trẻ tuổi tiếp cận và tổng hợp các bản sắc thời thơ ấu của họ nhằm xây dựng một con đường khả thi hướng tới tuổi trưởng thành. Theo Erikson, hệ quả tích cực của cuộc khủng hoảng bản sắc ở tuổi vị thành niên thúc đẩy cá nhân đi đến giai đoạn tiếp theo và giải quyết nhiệm vụ phát triển tiếp theo: đó là giai đoạn đầu tuổi trưởng thành với việc hình thành sự thân mật trong mối quan hệ với mọi người. Sự thân mật được coi là yếu tố kế thừa trực tiếp nhất của bản sắc (Marcia, 1980). Ở giai đoạn này, cá nhân bước vào xã hội và loay hoay tự định vị mình thông qua các mối quan hệ thân thiết với bạn bè, mối quan hệ lãng mạn hướng tới hôn nhân; nhìn chung họ luôn tìm kiếm những sự thân mật, chân thành mà không muốn bản thân cô độc, tách biệt. Một bản sắc vững chắc với cảm nhận an toàn về bản thân sẽ là điều kiện cần thiết cho phép người ta mạo hiểm tính dễ bị tổn thương để sáp nhập tạm thời với người khác, mở cánh cửa để người khác bước vào cuộc đời mình thông qua các mối quan hệ thân mật mà không đánh mất mình trong mối quan hệ đó.

2.2. Các tiếp cận lý thuyết về bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên

Phần này cung cấp cái nhìn hệ thống về diễn tiến của các dòng lý thuyết về bản sắc cá nhân. Về mặt lý luận, lịch sử của các nghiên cứu

về sự phát triển bản sắc cá nhân bắt nguồn từ lý thuyết các giai đoạn phát triển tâm lý xã hội của E. Erikson và tiếp nối bởi lý thuyết về bốn trạng thái bản sắc cá nhân của J. Marcia - tiền đề phát triển nên hầu hết các nghiên cứu về bản sắc (Kroger, 2007), sau này là các lý thuyết thay thế được giới thiệu từ năm 1987 (M. D. Berzonsky, H. D. Grotevant, A. S. Waterman, W. M. Kurtines, G. R. Adams, J. E. Côté và một số tác giả khác).

2.2.1. Lý thuyết phát triển tâm lý – xã hội của E. Erikson

2.2.2. Lý thuyết trạng thái bản sắc của J. Marcia

2.2.3. Các hướng nghiên cứu Erikson mới (neo-Eriksonian)

2.2.3.1. Các mô hình phát triển theo bề rộng:

- Mô hình đồng kiến tạo bản sắc của Kurtines (1999)
- Mô hình nguồn vốn bản sắc của Côté (1997)
- Mô hình bối cảnh phát triển xã hội của bản sắc của Adams (1996)

2.2.3.2. Các mô hình phát triển theo chiều sâu:

- Mô hình dạng bản sắc của Berzonsky (1989)
- Mô hình khám phá bản sắc của Grotevant (1987)
- Mô hình cấu trúc biểu hiện cá nhân của Waterman (1990)

2.3. Các yếu tố tham gia dự báo bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quá trình định hình bản sắc cá nhân ở thanh thiếu niên. Trong phạm vi luận án, chúng tôi chỉ tìm hiểu khả năng dự báo của lòng tự trọng, cảm nhận hạnh phúc, niềm tin vào hiệu quả của bản thân, tiêu diêm kiểm soát, hành vi của cha mẹ, gắn bó với bạn bè, trải nghiệm ở trường học đến trạng thái bản sắc ở thanh thiếu niên.

Tiểu kết chương 2

Chương 3. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Tổ chức nghiên cứu

3.1.1. Giai đoạn 1: Nghiên cứu lý luận

Mục đích: Giai đoạn nghiên cứu lý luận nhằm xây dựng cơ sở lý luận của đề tài.

Cách thức triển khai:

- Đọc các sách chuyên khảo, bài báo khoa học có từ khóa “bản sắc cá nhân”, “sự hình thành bản sắc”, “trạng thái bản sắc” và “thanh thiếu niên”;
- Tiếp đó phân loại, sắp xếp các tài liệu theo nhóm để hệ thống khung lý luận;
- Xây dựng khái niệm công cụ: bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên;

- Tìm kiếm các lý thuyết và bằng chứng nghiên cứu về ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý cá nhân, liên cá nhân đến bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên.

3.1.2. Giai đoạn 2: Thích ứng thang đo chính

Mục đích: Kiểm tra xem việc áp dụng thang đo EOM-EIS 2 trên khách thể Việt Nam có đảm bảo độ hiệu lực hay không; chỉnh sửa cách diễn đạt nhiều item và điều chỉnh lại một số tiêu mục không phù hợp về mặt văn hóa trong bối cảnh Việt Nam.

Cách thức triển khai:

- Điều tra thử lần 1 trên 53 thanh thiếu niên từ 15-25 tuổi (14 nam, 39 nữ). Điều tra lần 2 trên 502 thanh thiếu niên (208 nam và 294 nữ) trong độ tuổi 15-25 (trung bình = 19.08, SD = 3.27). Quá trình thực hiện cả 2 cuộc khảo sát đều bao gồm việc giới thiệu về nghiên cứu tới các khách thể, các khách thể đồng ý tự nguyện tham gia nghiên cứu.

3.1.3. Giai đoạn 3: Điều tra chính thức

Mục đích: Điều tra mô hình nghiên cứu theo thiết kế cắt ngang 1 lần:

- Thực trạng phân bố trạng thái bản sắc trong thanh thiếu niên và theo độ tuổi. Những khác biệt nào theo yếu tố nhân khẩu giữa các trạng thái bản sắc?
- Các yếu tố tâm lý có vai trò dự báo ra sao đối với các loại trạng thái bản sắc? Yếu tố nhân khẩu tham gia điều tiết vào mối quan hệ trên như thế nào?

Cách thức triển khai:

- Chọn mẫu nghiên cứu: Chọn mẫu thuận tiện trên 3 địa bàn Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên để đảm bảo tỷ lệ về giới tính và nhóm tuổi. Số lượng mẫu kỳ vọng là 500.

- Tiến hành điều tra chính thức:

+ Các khách thể thanh thiếu niên được phát phiếu hỏi, được biết về mục đích khảo sát, lợi ích và nguy cơ cũng như tính bảo mật của những thông tin cá nhân mà họ cung cấp. Việc tham gia khảo sát là tự nguyện, có chữ ký xác nhận. Thời gian thực hiện khảo sát là 45-60 phút trong khoảng thời gian rảnh rỗi của các thanh thiếu niên.

+ Cuộc điều tra chính thức đồng thời là lần điều tra thứ 2 đối với thang đo EOM-EIS 2 đã đề cập trong giai đoạn trước, kết hợp cùng một số thang đo đánh giá các yếu tố tâm lý khác với vai trò là yếu tố dự báo.

+ Số phiếu phát ra: 600. Số phiếu thu về, trải qua quá trình làm sạch dữ liệu và đủ điều kiện đưa vào xử lý là 502.

3.1.4. Giai đoạn 4: Viết luận án

Trong giai đoạn này, các phần tổng quan, cơ sở lý luận, tổ chức và phương pháp nghiên cứu được hệ thống lại và viết thành một luận án hoàn chỉnh.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

3.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Việc thiết kế nghiên cứu định hướng giá trị gia đình của thanh niên không chỉ dựa vào mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu mà còn dựa vào các quan điểm phương pháp luận khoa học. Cụ thể gồm các quan điểm sau: quan điểm duy vật biện chứng; quan điểm hoạt động - giao tiếp - nhân cách; quan điểm phát triển và quan điểm tiếp cận liên ngành.

3.2.2. Phương pháp điều tra bảng hỏi

Cấu trúc bảng hỏi gồm thang đo trạng thái bản sắc, các thang đo yếu tố tâm lý, bảng hỏi nhân khẩu. Thông qua bảng hỏi, nghiên cứu thu về bộ dữ liệu chính và tiến hành làm sạch dữ liệu. Phần này mô tả thang đo (cấu trúc và cách tính điểm), kiểm tra phân bố chuẩn, trình bày độ hiệu lực bề mặt và độ hiệu lực cấu trúc, độ tin cậy. Những dữ liệu đạt điều kiện được đưa tiếp vào xử lý thống kê.

3.2.3. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

Luận án sử dụng thống kê mô tả, thống kê so sánh, phân tích tương quan, phân tích hồi quy.

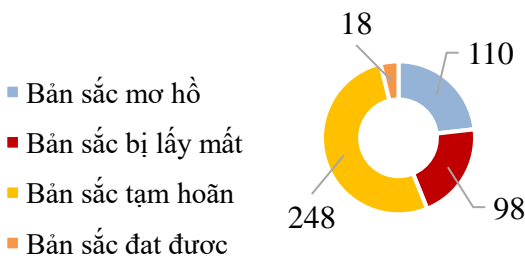
Tiểu kết chương 3

Chương 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN

Trong chương này, chúng tôi phân tích và bàn luận về kết quả khảo sát trên 502 thanh thiếu niên. Ở phần 4.1, chúng tôi trình bày thực trạng phân bố trạng thái bản sắc trong thanh thiếu niên (dựa trên trạng thái bản sắc đầu ra đã được phân loại) cùng những khác biệt về mặt nhân khẩu – xã hội ở các trạng thái bản sắc (theo cả 2 loại biến số đầu ra của thang đo). Ở phần 4.2, chúng tôi kiểm tra mối tương quan giữa yếu tố tâm lý đối với điểm số thành phần trạng thái bản sắc cá nhân, và nếu có thì mức độ dự báo trong mô hình hồi quy ra sao, biến số nào tham gia với vai trò điều tiết. Ở phần 4.3, chúng tôi xây dựng mô hình tác động đa biến để làm rõ đặc điểm tâm lý cá nhân và liên cá nhân tác động lên từng điểm số thành phần trạng thái bản sắc. Một vài bàn luận về các nghiên cứu xuyên văn hóa sẽ được đề cập trong phần 4.4.

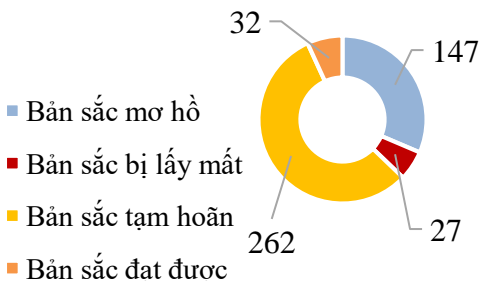
4.1. Thực trạng bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên

Thống kê tỷ lệ phân bố các trạng thái bản sắc trên cả hai miền đo tư tưởng và mối quan hệ cho kết quả như sau:



Biểu đồ 4.1.1: Phân bố trạng thái bản sắc tư tưởng

Phân bố trạng thái bản sắc tư tưởng trong mẫu nghiên cứu cho thấy bản sắc mơ hồ có 110 người (chiếm 21.9%), bản sắc bị lấy mất có 98 người (chiếm 19.5%), bản sắc tạm hoãn có 248 người (chiếm 49.4%) và bản sắc đạt được có 18 người (chiếm 3.6%). Còn lại 5,6% mẫu khuyết thiếu. Các lĩnh vực của miền đo này gồm có nghề nghiệp, tâm linh, quan điểm chính trị-xã hội và lối sống.



Biểu đồ 4.1.2: Phân bố trạng thái bản sắc mối quan hệ

Phân bố trạng thái bản sắc mối quan hệ trong mẫu nghiên cứu cho thấy bản sắc mơ hồ có 147 người (chiếm 29.3%), bản sắc bị lấy mất có 27 người (chiếm 5.4%), bản sắc tạm hoãn có 262 người (chiếm 52.2%) và bản sắc đạt được có 32 người (chiếm 6.4%). Còn lại 6.8% mẫu khuyết thiếu. Các lĩnh vực của miền đo này gồm có tình bạn, hẹn hò, vai trò giới và sở thích.

Như vậy, xét về sự phân bố theo bề ngang, nhìn chung trạng thái bản sắc của thanh thiếu niên chủ yếu rơi vào nhóm bản sắc tạm hoãn (chiếm xấp xỉ 50% ở cả 2 miền đo). Có thể thấy, nếu nhìn nhận mức

độ phát triển bản sắc đi từ bản sắc mơ hồ đến bản sắc đạt được (tăng dần theo chiều cạnh khám phá rồi đến cam kết), mức độ khám phá về mặt tư tưởng thấp hơn so với mặt mối quan hệ trong mẫu nghiên cứu (với tỷ lệ phần trăm cộng dồn hai dạng tạm hoãn và đạt được – hàm ý đã có khám phá – ở 2 miền lần lượt là 56.1% và 62.8%). Đồng thời, mức độ cam kết về mặt tư tưởng cao hơn so với mặt mối quan hệ, với tỷ lệ phần trăm cộng dồn hai dạng bị lấy mất và đạt được – hàm ý đã có cam kết – ở 2 miền lần lượt là 24.5% và 12.6%). Kết quả này có thể liên quan đến đặc điểm văn hóa Việt Nam – nền văn hóa cộng đồng coi trọng những giá trị tư tưởng truyền thống và trao truyền lại qua các thế hệ, theo đó mức độ khám phá về tư tưởng có thể thấp hơn, cũng như mức độ cam kết về tư tưởng sẽ cao hơn khi so sánh với các lĩnh vực mối quan hệ - nơi cá nhân có thể tự chủ hơn.

Xét về sự phân bố theo chiều dọc độ tuổi, chúng tôi sử dụng kiểm định Chi bình phương.

Đối với sự phân bố trạng thái bản sắc tư tưởng ở các nhóm tuổi (Bảng 4.1b), kiểm định Chi bình phương cho thấy có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi của thanh thiếu niên và trạng thái bản sắc tư tưởng của họ với $X^2_{(6)} = 21.435$, $p = 0.002$.

Bảng 4.1b: Phân bố trạng thái bản sắc tư tưởng ở các nhóm tuổi

			Bản sắc tư tưởng (%)				Tổng
			mơ hồ	bị lấy mất	tạm hoãn	đạt được	
Nhóm tuổi	Vị thành niên (15-17)	Số lượng	52	36	85	5	178
		% trong Nhóm tuổi	29.2	20.2	47.8	2.8	100.0
		% trong Bản sắc tư tưởng	47.3	36.7	34.3	27.8	37.6
		% trên Tổng	11.0	7.6	17.9	1.1	37.6
	Vị thành niên sang trưởng thành (18-21)	Số lượng	37	41	84	2	164
		% trong Nhóm tuổi	22.6	25.0	51.2	1.2	100.0
		% trong Bản sắc tư tưởng	33.6	41.8	33.9	11.1	34.6
		% trên Tổng	7.8	8.6	17.7	0.4	34.6
Đầu	Số lượng	21	21	79	11	132	

	tuổi trưởng thành (22-25)	% trong Nhóm tuổi	15.9	15.9	59.8	8.3	100.0
		% trong Bản sắc tư tưởng	19.1	21.4	31.9	61.1	27.8
		% trên Tổng	4.4	4.4	16.7	2.3	27.8
Tổng		Số lượng	110	98	248	18	474
		% trong Nhóm tuổi	23.2	20.7	52.3	3.8	100.0
		% trong Bản sắc tư tưởng	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0
		% trên Tổng	23.2	20.7	52.3	3.8	100.0

Nhìn chung, các trạng thái bản sắc tư tưởng phân bố nhiều nhất vào bản sắc tạm hoãn (52.3%), tiếp đó là bản sắc mơ hồ (23.2%) và bản sắc bị lấy mất (20.7%), cuối cùng là bản sắc đạt được (3.8%). Trong mỗi nhóm tuổi, bản sắc tạm hoãn đều chiếm tỷ lệ lớn nhất và trải đều ở các nhóm tuổi. Bản sắc mơ hồ hiện diện nhiều nhất ở tuổi vị thành niên (47.3%); bản sắc bị lấy mất hiện diện nhiều nhất ở tuổi vị thành niên sang trưởng thành (41.8%); bản sắc đạt được chiếm tỷ lệ nhỏ nhất trên tổng số cũng như hiện diện nhiều nhất ở đầu tuổi trưởng thành (61.1%). Khi tiến về đầu tuổi trưởng thành, bản sắc tư tưởng mơ hồ, bị lấy mất có xu hướng giảm (tương ứng từ 29.2% xuống 15.9% và 20.2% xuống 15.9%), còn bản sắc tư tưởng tạm hoãn và đạt được có xu hướng tăng lên (tương ứng từ 47.8% lên 59.8%, và từ 2.8% lên 8.3%).

Đối với sự phân bố trạng thái bản sắc mối quan hệ ở các nhóm tuổi (Bảng 4.1c), kiểm định Chi bình phương cho thấy có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi của thanh thiếu niên và trạng thái bản sắc mối quan hệ của họ với $X^2_{(6)} = 18.739$, $p = 0.005$.

Bảng 4.1c: Phân bố trạng thái bản sắc mối quan hệ ở các nhóm tuổi

			Bản sắc mối quan hệ (%)				Tổng
			mơ hồ	bị lấy mất	tạm hoãn	đạt được	
Nhóm tuổi	Vị thành niên (15-17)	Số lượng	51	13	99	11	174
		% trong Nhóm tuổi	29.3	7.5	56.9	6.3	100.0
		% trong Bản sắc mối quan hệ	34.7	48.1	37.8	34.4	37.2
		% trên Tổng	10.9	2.8	21.2	2.4	37.2
	Vị	Số lượng	65	10	75	7	157

thành niên sang trưởng thành (18-21)	% trong Nhóm tuổi	41.4	6.4	47.8	4.5	100.0
	% trong Bản sắc mỗi quan hệ	44.2	37.0	28.6	21.9	33.5
	% trên Tổng	13.9	2.1	16.0	1.5	33.5
Đầu tuổi trưởng thành (22-25)	Số lượng	31	4	88	14	137
	% trong Nhóm tuổi	22.6	2.9	64.2	10.2	100.0
	% trong Bản sắc mỗi quan hệ	21.1	14.8	33.6	43.8	29.3
	% trên Tổng	6.6	0.9	18.8	3.0	29.3
Tổng	Số lượng	147	27	262	32	468
	% trong Nhóm tuổi	31.4	5.8	56.0	6.8	100.0
	% trong Bản sắc mỗi quan hệ	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0
	% trên Tổng	31.4	5.8	56.0	6.8	100.0

Nhìn chung, các trạng thái bản sắc mỗi quan hệ phân bố nhiều nhất vào bản sắc tạm hoãn (56%), tiếp đó là bản sắc mơ hồ (31.4%), cuối cùng là bản sắc đạt được (6.8%) và bản sắc bị lấy mất (5.8%). Trong mỗi nhóm tuổi, bản sắc tạm hoãn đều chiếm tỷ lệ lớn nhất. Bản sắc mơ hồ hiện diện ở tuổi vị thành niên sang trưởng thành nhiều nhất (44.2%) sau đó giảm xuống; bản sắc bị lấy mất hiện diện ở tuổi vị thành niên nhiều nhất (48.1%) sau đó giảm dần; bản sắc đạt được hiện diện nhiều nhất ở đầu tuổi trưởng thành (43.8%). Khi tiến về đầu tuổi trưởng thành, bản sắc tư tưởng mơ hồ, bị lấy mất có xu hướng giảm (tương ứng từ 29.3% xuống 22.6% và 7.5% xuống 2.9%), còn bản sắc tư tưởng tạm hoãn và đạt được có xu hướng tăng lên (tương ứng từ 56.9% lên 64.2%, và từ 6.3% lên 10.2%).

Đối với sự phân bố trạng thái bản sắc mỗi quan hệ theo giới tính, kiểm định Chi bình phương cho thấy có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa giới tính của thanh thiếu niên và trạng thái bản sắc mỗi quan hệ của họ với $X^2_{(3)} = 8.313$, $p = 0.04$. Theo đó, có thể thấy ở khách thể nữ có sự trưởng thành hơn trong việc khám phá bản sắc về mặt mỗi quan hệ so với nam với tỷ lệ 51.8% so với 59% trên bản sắc tạm hoãn, và tỷ lệ 6.1% so với 7.4% (ở đây, chúng tôi căn cứ vào bản sắc tạm hoãn và bản sắc đạt được để chỉ ra sự khám phá).

So sánh sự khác biệt về điểm số trạng thái bản sắc theo các biến số nhân khẩu (gồm có giới tính, nhóm tuổi, trình độ học vấn, nơi sống, thứ tự sinh trong gia đình, trạng thái mối quan hệ, người có ý nghĩa với bản thân, điều kiện kinh tế của gia đình), nhìn chung các kết quả phù hợp với lý thuyết về sự phát triển bản sắc: theo sự phát triển lứa tuổi và đón nhận những cơ hội mới cùng năng lực hiểu biết nâng cao, cá nhân bắt đầu thể hiện sự khám phá rõ rệt hơn ở lứa tuổi trước đó và đi đến cam kết để đạt được bản sắc vững chắc cho riêng mình. Các biến nhân khẩu-xã hội còn lại như thứ tự sinh, trạng thái mối quan hệ và điều kiện kinh tế không tạo nên sự khác biệt về điểm số các trạng thái bản sắc; đồng thời điểm số bản sắc đạt được trên cả 2 miền đo không có sự khác biệt về mặt nhân khẩu-xã hội.

4.2 Mối liên hệ giữa các yếu tố tâm lý với bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên

Trong phần này, chúng tôi chia các yếu tố tâm lý có liên quan tới bản sắc cá nhân thành hai nhóm: yếu tố cá nhân và yếu tố liên cá nhân. Đối với mỗi yếu tố, chúng tôi trình bày thống kê mô tả về điểm trung bình và độ lệch chuẩn, so sánh sự khác biệt theo yếu tố đó của các trạng thái bản sắc đã phân loại, phân tích tương quan giữa yếu tố đó với điểm số thành phần trạng thái bản sắc và mức độ dự báo trong mô hình hồi quy.

4.2.1. Các yếu tố tâm lý cá nhân

4.2.1.1. Lòng tự trọng

Khi so sánh lòng tự trọng ở thanh thiếu niên theo các nhóm trạng thái bản sắc đã phân loại, lòng tự trọng có xu hướng tăng dần từ bản sắc mơ hồ – bản sắc tạm hoãn – bản sắc bị lấy mất – bản sắc đạt được.

Bảng 4.2.1.1 Mô hình hồi quy về khả năng dự báo của lòng tự trọng đến trạng thái bản sắc mơ hồ

<i>Biến phụ thuộc</i>	Lứa tuổi	<i>R</i>	<i>R</i> ²	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa		<i>t</i>	<i>p</i>
				<i>B</i>	<i>SE</i>	β			
BSTT mơ hồ	VTN	0.115	0.013	-0.156	0.081	-0.115		-1.935	0.054
	TN	0.331	0.110	-0.499	0.100	-0.331		-4.997	0.000
BSMQH mơ hồ	VTN	0.139	0.019	-0.189	0.081	-0.139		-2.348	0.020
	TN	0.318	0.101	-0.479	0.100	-0.318		-4.780	0.000

**Ghi chú: VTN: Vị thành niên; TN: Thành niên*

Phân tích tương quan Pearson cho thấy lòng tự trọng có tương quan thuận với bản sắc đạt được và tương quan nghịch với tất cả các trạng thái bản sắc còn lại trên cả 2 miền đo; mức tương quan từ yếu đến rất yếu. Trong mỗi quan hệ với bản sắc mơ hồ, dưới sự điều tiết của yếu tố độ tuổi (cut-point là 19 tuổi), lòng tự trọng đã cho thấy ảnh hưởng nhất định: khi cá nhân bước sang tuổi trưởng thành, lòng tự trọng thấp càng thể hiện ảnh hưởng rõ rệt hơn đối với bản sắc mơ hồ (lần lượt trên miền đo tư tưởng và mối quan hệ, lòng tự trọng dự báo được 11% và 10.1% độ biến thiên của điểm số bản sắc mơ hồ ở tuổi thành niên trong khi khả năng dự báo ở tuổi vị thành niên của yếu tố này là không đáng kể) (xem Bảng 4.2.1.1).

4.2.1.2. Cảm nhận hạnh phúc phụ thuộc lẫn nhau

Khi so sánh cảm nhận hạnh phúc ở thanh thiếu niên theo các nhóm trạng thái bản sắc, bản sắc tạm hoãn có cảm nhận hạnh phúc thấp hơn đáng kể so với 3 trạng thái bản sắc còn lại. Cảm nhận hạnh phúc có tương quan ở mức yếu với các trạng thái bản sắc song không ảnh hưởng đáng kể đến trạng thái bản sắc đạt được khi đứng trong mô hình hồi quy đơn biến.

4.2.1.3 Niềm tin vào hiệu quả của bản thân

Nhìn chung niềm tin vào hiệu quả bản thân cao hơn ở các trạng thái bản sắc tiên bộ hơn.

Bảng 4.2.1.3: Mô hình hồi quy về khả năng dự báo của niềm tin vào hiệu quả bản thân đến trạng thái bản sắc mơ hồ

Biến phụ thuộc	Lựa tuổi	R	R ²	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa		t	p
				B	SE	β			
BSTT mơ hồ	VTN	0.227	0.052	-0.152	0.040	-0.227		-3.828	.000
	TN	0.405	0.164	-0.254	0.040	-0.405		-6.289	.000
BSMQH mơ hồ	VTN	0.303	0.092	-0.212	0.041	-0.303		-5.227	.000
	TN	0.389	0.152	-0.244	0.041	-0.389		-6.023	.000

*Ghi chú: VTN: Vị thành niên; TN: Thành niên

Niềm tin vào hiệu quả bản thân có tương quan nghịch ở mức yếu với bản sắc mơ hồ, dưới sự điều tiết của yếu tố độ tuổi đã cho thấy ảnh hưởng nhất định: ở nhóm tuổi thành niên, niềm tin vào hiệu quả bản thân thấp giải thích cho bản sắc mơ hồ nhiều hơn đáng kể ở nhóm tuổi vị thành niên (lần lượt trên miền đo tư tưởng và mối quan hệ, yếu tố tâm lý này có khả năng dự báo được 16.4% và 15.2% độ biến thiên của điểm số bản sắc mơ hồ ở tuổi thành niên trong khi khả

năng dự báo ở tuổi vị thành niên của yếu tố này đều dưới 10%); có nghĩa là khi các em càng thiếu niềm tin rằng mình sẽ xoay sở tốt trong nghịch cảnh, điều đó càng làm tăng cường bản sắc mơ hồ nhiều hơn (xem Bảng 4.2.1.3).

4.2.1.4 Tiêu điểm kiểm soát

Kết quả chỉ ra xu hướng nhóm mẫu có tiêu điểm kiểm soát bên trong, nhìn chung tiêu điểm kiểm soát thấp hơn ở các trạng thái bản sắc tiên bộ hơn – cho thấy xu hướng tiêu điểm kiểm soát bên trong. Tiêu điểm kiểm soát có tương quan thuận với bản sắc mơ hồ và tương quan nghịch với bản sắc đạt được ở mức yếu, tuy nhiên không có tác động đáng kể đến các trạng thái bản sắc kể trên khi đứng trong mô hình hồi quy đơn biến.

4.2.2. Các yếu tố tâm lý liên cá nhân

4.2.2.1. Đánh giá hành vi của cha mẹ

Thông qua các kết quả so sánh, tương quan và mô hình hồi quy đa biến, đặc điểm của các nhóm trạng thái bản sắc liên quan đến hành vi của bố mẹ đã được hiện lên rõ hơn: bản sắc mơ hồ có liên hệ với sự thiếu chấp nhận của bố mẹ, sự thả lỏng kỷ luật của bố mẹ; bản sắc bị lấy mất có liên hệ với sự chấp nhận của bố mẹ, sự kiểm soát tâm lý của bố mẹ, kiểm soát hành vi ở bố; bản sắc tự tưởng tượng hoãn có liên hệ với sự thiếu chấp nhận, kiểm soát tâm lý và thả lỏng kỷ luật của bố; bản sắc mối quan hệ đạt được có liên hệ với sự chấp nhận của mẹ.

4.2.2.2. Gắn bó với bạn bè

Nhìn chung, gắn bó với bạn bè có liên hệ với chiều cạnh tiên bộ của bản sắc (tăng cường sự tin tưởng, giao tiếp và giảm dần cảm giác giận dữ - xa cách). Thông qua các kết quả so sánh, tương quan và mô hình hồi quy đa biến, đặc điểm của các nhóm trạng thái bản sắc liên quan đến gắn bó với bạn bè đã được hiện lên rõ hơn: bản sắc mơ hồ có liên hệ với cảm giác giận dữ-xa cách; bản sắc bị lấy mất có liên hệ với cảm giác giận dữ-xa cách và kể đó là giao tiếp với bạn bè; bản sắc tạm hoãn cũng có liên hệ với 2 yếu tố này ở mức tương đương; bản sắc đạt được có liên hệ với chất lượng giao tiếp với bạn bè.

4.2.2.3. Trải nghiệm ở trường học

Nhìn chung, trải nghiệm trường học có liên hệ với chiều cạnh tiên bộ của bản sắc (nâng cao chiến lược và kỳ vọng phù hợp của giáo viên, tăng tính hỗ trợ trong lớp học, trải nghiệm học tập có ý nghĩa, tích cực tham gia hoạt động ngoại khóa). Thông qua các kết quả so sánh, tương quan và mô hình hồi quy đa biến, đặc điểm của các nhóm trạng thái bản sắc liên quan đến gắn bó với bạn bè đã được

hiện lên rõ hơn: bản sắc mơ hồ có liên hệ với không khí lớp học thiếu tính hỗ trợ; bản sắc bị lấy mất có liên hệ với chiến lược và kỳ vọng phù hợp của giáo viên cũng như không khí lớp học thiếu tính hỗ trợ; bản sắc tạm hoãn ở 2 miền đo đều có liên hệ với sự tích cực tham gia hoạt động ngoại khóa (đặc trưng cho sự khám phá ở trạng thái này); bản sắc đạt được có liên hệ với chiến lược và kỳ vọng phù hợp của giáo viên cũng như trải nghiệm học tập có ý nghĩa.

4.3 Đặc điểm tâm lý cá nhân và liên cá nhân của bốn nhóm trạng thái bản sắc

Những yếu tố tâm lý cá nhân và liên cá nhân có tác động đồng thời lên trạng thái bản sắc của thanh thiếu niên được đưa vào kiểm tra trong mô hình hồi quy đa biến. Kết quả tổng hợp ở bảng 4.3.

Bảng 4.3: Tổng hợp các yếu tố trong mô hình hồi quy đa biến có tác động lên trạng thái bản sắc

	Bản sắc tư tưởng	Bản sắc mối quan hệ
Mơ hồ	Tự trọng (-) Cảm nhận hạnh phúc Niềm tin vào hiệu quả bản thân (-) Tiêu điểm kiểm soát Sự kiểm soát hành vi ở bố Cảm giác giận dữ-xa cách (-)	Tự trọng (-) Niềm tin vào hiệu quả bản thân (-) Tiêu điểm kiểm soát Sự kiểm soát hành vi ở mẹ Cảm giác giận dữ-xa cách (-)
Bị lấy mất	Cảm nhận hạnh phúc Niềm tin vào hiệu quả bản thân (-) Sự kiểm soát tâm lý ở bố (-) Cảm giác giận dữ - xa cách (-) Trải nghiệm học tập trên lớp	Cảm nhận hạnh phúc Niềm tin vào hiệu quả bản thân (-) Sự chấp nhận của bố (-) Tin tưởng (-) Cảm giác giận dữ - xa cách (-) Giáo viên
Tạm hoãn	Lòng tự trọng (-) Chất lượng giao tiếp Cảm giác giận dữ - xa cách (-)	Lòng tự trọng (-) Chất lượng giao tiếp Cảm giác giận dữ - xa cách (-) Trải nghiệm học tập ở lớp
Đạt được	Cảm nhận hạnh phúc Niềm tin vào hiệu quả bản thân Giáo viên	Niềm tin vào hiệu quả bản thân Chất lượng giao tiếp Giáo viên

Theo đó, nhìn chung ở cả 2 miền đo, bản sắc mơ hồ đặc trưng bởi lòng tự trọng thấp, tiêu điểm kiểm soát bên ngoài, niềm tin thấp vào hiệu quả bản thân, sự kiểm soát hành vi của bố mẹ và cảm giác giận dữ - xa cách với bạn bè; bản sắc bị lấy mất đặc trưng bởi cảm nhận hạnh phúc phụ thuộc lẫn nhau cao, niềm tin thấp vào hiệu quả bản thân, thiếu gắn bó với bạn bè, có trải nghiệm trường học tốt; bản sắc tạm hoãn đặc trưng bởi lòng tự trọng thấp, chất lượng giao tiếp cao với bạn bè; bản sắc đạt được đặc trưng bởi niềm tin cao vào hiệu quả bản thân, trải nghiệm tốt với giáo viên.

4.4 Bàn luận

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu trạng thái bản sắc của thanh thiếu niên cùng các yếu tố ảnh hưởng chỉ ra sự tương đồng cũng như khác biệt nhất định với những nghiên cứu trên thế giới.

Tổng quan về trạng thái bản sắc, sự phân bố tập trung vào bản sắc tạm hoãn, kế đó là bản sắc mơ hồ; bản sắc bị lấy mất và bản sắc đạt được chiếm tỷ lệ nhỏ (tổng tỷ lệ không quá 25%, trong đó bản sắc đạt được không chiếm quá 10%). Sự phân bố này tương đối khác biệt khi đặt cạnh những nghiên cứu cùng chủ đề ở phương Tây. Trong nghiên cứu siêu phân tích (tập hợp 52 nghiên cứu cắt ngang với các đánh giá phân loại về trạng thái bản sắc, thực hiện ở khu vực Bắc Mỹ) của Martinussen và Marcia (2010), bảng tổng hợp sau cho thấy tỷ lệ trạng thái bản sắc ở các độ tuổi có chênh lệch song không quá rõ rệt như kết quả nghiên cứu của chúng tôi. Bản sắc đạt được trong những nghiên cứu này cũng luôn chiếm tỷ lệ hơn 10%. Mặt khác, có thể thấy trong bảng 4.4 - khi càng tiến về tuổi trưởng thành, tỷ lệ bản sắc đạt được và bản sắc tạm hoãn tăng trong khi tỷ lệ bản sắc bị lấy mất và bản sắc mơ hồ giảm – kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của chúng tôi.

Bảng 4.4: Tỷ lệ các trạng thái bản sắc chia theo tuổi (Martinussen, Marcia; 2010)

Tuổi	Số lượng nghiên cứu chứa độ tuổi tương ứng	Cỡ mẫu	Tỷ lệ (%)			
			Bản sắc đạt được	Bản sắc tạm hoãn	Bản sắc bị lấy mất	Bản sắc mơ hồ
13	5	2286	13	23	34	29
14	8	3879	15	22	28	36
15	9	3471	19	29	23	31
16	13	3037	16	32	23	28

17	17	2757	25	37	20	23
18	19	1096	17	36	20	24
19	20	1181	21	42	12	19
20	14	572	22	37	21	21
21	18	792	23	32	17	26
22	8	247	34	27	12	20
23–29	11	253	31	18	23	24
30–36	9	310	47	21	17	14

Từ đây, có thể nhận định rằng thanh thiếu niên Việt Nam có đặc điểm phát triển bản sắc cá nhân ở mức thấp hơn và tốc độ chậm hơn so với thanh thiếu niên phương Tây (dựa trên thang đo trạng thái bản sắc EOM-EIS 2). Liệu rằng sự khác biệt này do đặc điểm của nền văn hóa-xã hội cộng đồng tác động (nơi khuyến khích sự tuân thủ và tiếp nhận giá trị truyền thống hơn là sự tự chủ của con trẻ), hay thực chất bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên Việt Nam phát triển theo một hệ tiêu chí khác, mang đặc thù khác?

Để trả lời câu hỏi trên, chúng tôi lưu ý thấy phần lớn các nghiên cứu về trạng thái bản sắc được thực hiện ở Bắc Mỹ, do đó cần tính đến khác biệt văn hóa khi đưa vấn đề này vào nghiên cứu ở bối cảnh khác. Ví dụ, Adams và cộng sự (1989) sử dụng thang đo EOM-EIS 2 trong một nghiên cứu ở Na Uy, kết quả cho thấy mức độ khám phá và cam kết của khách thể là sinh viên đại học (ở cuối tuổi thanh thiếu niên) thấp hơn 5 mẫu nghiên cứu trên sinh viên từ những vùng khác nhau của Hoa Kỳ. Nhóm nghiên cứu lý giải do đặc thù của xã hội Na Uy hòa hợp giữa phúc lợi và sự tự do, nhấn mạnh sự cân bằng giữa các cá nhân, do đó có thể xã hội này không đặt nặng quá trình khám phá và cam kết cá nhân lên những người trẻ tuổi ở đây so với bối cảnh Bắc Mỹ nơi chú trọng các giá trị mang tính cá nhân. Do vậy, sự khác biệt trong kết quả nghiên cứu của chúng tôi khi so sánh với các nghiên cứu ở khu vực Bắc Mỹ có thể được giải thích do yếu tố văn hóa can thiệp.

Tiểu kết chương 4

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về bản sắc cá nhân ở thanh thiếu niên, luận án rút ra những kết luận sau đây:

Về mặt lý luận

Tổng quan nghiên cứu chỉ ra rằng vấn đề bản sắc được nghiên cứu từ tiếp cận nội dung và tiếp cận quá trình, trong đó bình diện nội dung của bản sắc chỉ ra những định khu lĩnh vực nằm trong bản sắc (như nghề nghiệp, tôn giáo, chính trị, gia đình, bạn bè...) còn bình diện quá trình của bản sắc chỉ ra cách thức cá nhân hành động trong sự tương tác với các lĩnh vực nội dung (cá nhân tìm hiểu đến đâu trong lĩnh vực này, đã quyết định đưa ra lựa chọn hay chưa...). Trong nỗ lực thao tác hóa khung khái niệm bản sắc của Erikson, lý thuyết trạng thái bản sắc của Marcia chạm tới cả 2 bình diện nêu trên và đồng thời cho tới giờ vẫn được ứng dụng rộng rãi dù tồn tại những hạn chế nhất định. Do vấn đề nghiên cứu còn mới mẻ ở Việt Nam, chúng tôi quyết định lựa chọn tiếp cận vấn đề bản sắc cá nhân dựa trên khung lý thuyết trạng thái bản sắc của Marcia.

Cũng trên cơ sở điểm lược các nghiên cứu, luận án lựa chọn một số các yếu tố tâm lý cá nhân và liên cá nhân có mối liên hệ với bản sắc cá nhân để khảo sát như yếu tố ảnh hưởng. Những yếu tố đó bao gồm: lòng tự trọng, cảm nhận hạnh phúc phụ thuộc lẫn nhau, niềm tin vào hiệu quả của bản thân, tiêu điểm kiểm soát, hành vi làm cha mẹ, gắn bó với bạn bè và trải nghiệm ở trường học.

Trong khuôn khổ mô hình trạng thái bản sắc của Marcia, luận án định nghĩa bản sắc cá nhân là trạng thái mà cá nhân định vị mình là ai trong quá trình phát triển, được quyết định chủ yếu bởi những lựa chọn liên quan đến đặc điểm cá nhân và xã hội nhất định (khám phá) cùng sự gắn kết của họ với lựa chọn đó (cam kết). Khám phá đề cập đến một khoảng thời gian suy nghĩ lại, phân loại, thử sức với nhiều vai trò và kế hoạch cuộc sống khác nhau. Cam kết liên quan đến mức độ đầu tư cá nhân mà một người thể hiện trong quá trình hành động hoặc trong niềm tin. Trên cơ sở kết hợp mức độ cam kết và khám phá cao hay thấp, bốn trạng thái bản sắc được đề ra, giả định rằng có sự tăng trưởng dần theo thứ tự bản sắc mơ hồ, bản sắc bị lầy mắt, bản sắc tạm hoãn và bản sắc đạt được.

Thanh thiếu niên trong luận án là “những người ở trong độ tuổi 15-25, đã trải qua những thay đổi tâm sinh lý trong giai đoạn dậy thì kéo theo những mối bận tâm đặc biệt về bản thân và cơ thể cũng như nâng cao năng lực nhận thức xã hội, hướng dần đến sự tự chủ, chuẩn

bị hoặc đang bước vào độ tuổi trưởng thành với nhiệm vụ khám phá các vai trò khác nhau và dần đi đến cam kết về một bản sắc tương đối thống nhất, hoàn chỉnh.” Đặt trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu, nhóm tuổi này là nhóm tuổi thích hợp nhất để triển khai khảo sát về trạng thái bản sắc, từ đó cho bức tranh chung có tính chất vận động về mặt lứa tuổi cũng như khám phá được các yếu tố tác động một cách đa dạng.

Về mặt thực tiễn

Luận án đã chỉ ra thực trạng phân bố và động thái phát triển các trạng thái bản sắc trên 502 thanh thiếu niên độ tuổi từ 15-25. Kết quả cho thấy, trạng thái bản sắc của thanh thiếu niên phân bố chủ yếu vào nhóm bản sắc tạm hoãn, kế đó là bản sắc mơ hồ; bản sắc bị lấy mất và bản sắc đạt được chiếm tỷ lệ nhỏ. Nghiên cứu cắt ngang cung cấp gợi ý rằng có sự vận động theo lứa tuổi để hướng đến bản sắc tiên bộ hơn và giảm dần về tỷ lệ trong các nhóm bản sắc còn lại. Có sự khác biệt khi so sánh kết quả này với các nghiên cứu ở phương Tây, chúng tôi nhận định rằng bối cảnh văn hóa cộng đồng có tác động vào sự khác biệt này. Phân tích bảng chéo trên các trạng thái bản sắc đã phân loại cho thấy dường như khách thể nữ có sự trưởng thành hơn khách thể nam trong việc khám phá bản sắc mối quan hệ, kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu trên thế giới.

Có sự khác biệt đáng kể xét về giới tính, nhóm tuổi, trình độ học vấn, nơi sống và người có ý nghĩa nhất với cá nhân trên một số nhóm điểm trạng thái bản sắc. Cụ thể, trên điểm số bản sắc mơ hồ, có sự giảm dần điểm theo độ tuổi tăng dần cũng như theo trình độ học vấn tăng dần, qua đó chỉ ra xu hướng trạng thái bản sắc cá nhân bớt đi sự mơ hồ theo sự phát triển lứa tuổi và nhận thức. Trên điểm số bản sắc bị lấy mất, nam giới có điểm cao hơn nữ - nói cách khác nữ có xu hướng cởi mở khám phá hơn hoặc ít cam kết hơn nam; điểm số này có xu hướng giảm khi trình độ học vấn tăng dần, cá nhân mở rộng cơ hội khám phá và trải nghiệm; cá nhân sống ở thành thị có điểm số này thấp hơn so với cá nhân sống ở nông thôn - có thể giải thích do cơ hội trải nghiệm phong phú hơn; ngoài ra, những người coi bố, mẹ là người ý nghĩa nhất cũng cho thấy điểm số bản sắc bị lấy mất cao đáng kể - điều này phản ánh chính xác nội hàm của trạng thái bản sắc này. Trên điểm số bản sắc tạm hoãn, ở các lĩnh vực tư tưởng, nữ có xu hướng cởi mở khám phá hơn hoặc ít cam kết hơn nam do điểm cao hơn; đồng thời điểm số này cho thấy xu hướng giảm dần khi độ tuổi và trình độ học vấn tăng dần. Nhìn chung các kết quả trên phù hợp với lý thuyết về sự phát triển bản sắc: theo sự phát triển lứa tuổi

và đón nhận những cơ hội mới cùng năng lực hiểu biết nâng cao, cá nhân bắt đầu thể hiện sự khám phá rõ rệt hơn ở lứa tuổi trước đó và đi đến cam kết để đạt được bản sắc vững chắc cho riêng mình. Các biến nhân khẩu-xã hội còn lại như thứ tự sinh, trạng thái mối quan hệ và điều kiện kinh tế không tạo nên sự khác biệt về điểm số các trạng thái bản sắc; đồng thời điểm số bản sắc đạt được trên cả 2 miền đo không có sự khác biệt về mặt nhân khẩu-xã hội.

Các yếu tố tâm lý cá nhân và liên cá nhân được xem xét trong nghiên cứu cho thấy tác động nhất định đến điểm số các trạng thái bản sắc, tuy nhiên đều ở mức thấp. Trong đó, lòng tự trọng và niềm tin vào hiệu quả của bản thân dự báo cho bản sắc mơ hồ dưới sự điều tiết của yếu tố độ tuổi. Mô hình tác động đa biến được kiểm định trên tất cả các điểm số thành phần trạng thái bản sắc, qua đó góp phần vạch ra bức chân dung về các trạng thái bản sắc khác nhau đặt trong mối quan hệ với yếu tố tâm lý. Theo đó, nhìn chung ở cả 2 miền đo, bản sắc mơ hồ đặc trưng bởi lòng tự trọng thấp, tiêu điểm kiểm soát bên ngoài, niềm tin thấp vào hiệu quả bản thân, sự kiểm soát hành vi của bố mẹ và cảm giác giận dữ - xa cách với bạn bè; bản sắc bị lấy mất đặc trưng bởi cảm nhận hạnh phúc phụ thuộc lẫn nhau cao, niềm tin thấp vào hiệu quả bản thân, thiếu gắn bó với bạn bè, có trải nghiệm trường học tốt; bản sắc tạm hoãn đặc trưng bởi lòng tự trọng thấp, chất lượng giao tiếp cao với bạn bè; bản sắc đạt được đặc trưng bởi niềm tin cao vào hiệu quả bản thân, trải nghiệm tốt với giáo viên.

2. Kiến nghị

Kết quả tổng hợp các yếu tố trong mô hình hồi quy đa biến có tác động lên trạng thái bản sắc cung cấp gợi ý rằng:

Để tác động vào *nhóm bản sắc mơ hồ*, cần có biện pháp nâng cao lòng tự trọng cũng như niềm tin vào hiệu quả bản thân của thanh thiếu niên, đồng thời khuyến nghị các bậc phụ huynh lưu tâm hơn trong việc kiểm soát hành vi của các em (không buông lỏng, thờ ơ).

Đối với *nhóm bản sắc bị lấy mất*, dường như các em hạnh phúc với lựa chọn của mình, tuy nhiên mối quan hệ gắn bó với bạn bè còn chưa tốt cũng như thiếu niềm tin vào hiệu quả bản thân, do vậy hai yếu tố này cần được cân nhắc tác động để thúc đẩy các em tự tin hơn.

Để giảm sự căng thẳng và tăng cường cảm nhận hạnh phúc cho *nhóm bản sắc tạm hoãn*, mối quan hệ bạn bè cần được thúc đẩy và mang tính hỗ trợ.

Để hướng cá nhân tới *nhóm bản sắc đạt được*, cần tạo điều kiện để cá nhân tăng cường niềm tin vào hiệu quả bản thân cũng như cung

cấp cho các em một môi trường học với giáo viên cởi mở, sáng tạo, đặt kỳ vọng phù hợp.

Nghiên cứu này bước đầu cung cấp những dữ liệu về sự định hình, vận động trạng thái bản sắc cá nhân ở thanh thiếu niên Việt Nam tuy mới dừng lại ở lát cắt ngang. Do đó, chúng tôi đề xuất kiến nghị về những triển vọng nghiên cứu tiếp theo có thể mở ra như sau:

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện nghiên cứu để mở rộng dữ liệu theo chiều dọc. Việc này cung cấp những căn cứ xác thực để định hình một cách toàn diện hơn về sự phát triển bản sắc cá nhân của thanh thiếu niên Việt Nam. Trong khi nghiên cứu cắt ngang cung cấp những gợi ý tốt và tương đồng với các nghiên cứu trên thế giới, nghiên cứu theo chiều dọc sẽ chỉ ra rõ ràng hơn tốc độ và mức độ phát triển bản sắc cá nhân lên trạng thái tiến bộ.

Thứ hai, triển khai nghiên cứu trên nhóm khách thể với quy mô lớn hơn về cả số lượng và yếu tố nhân khẩu được xét đến. Những thanh thiếu niên không đi học, bỏ học sớm hay hướng nghiệp ngay sau khi tốt nghiệp có đặc thù phát triển bản sắc khác như thế nào so với những thanh thiếu niên tiếp tục lộ trình học lên cao, đó cũng là một phương hướng khả thi nhằm mở lối cho việc can thiệp, nâng đỡ quá trình phát triển bản sắc cho thanh thiếu niên được diễn ra lành mạnh.

Thứ ba, cần tính đến sự thích ứng văn hóa nhiều hơn nữa khi thao tác hóa khái niệm bản sắc. Trong luận án, bản sắc được xem xét trong khung lý thuyết của Marcia, tuy nhiên các miền đo tư tưởng và mối quan hệ được cấu thành bởi những lĩnh vực gốc có phần xa lạ với thanh thiếu niên Việt Nam. Việc chỉnh sửa thang đo mới chỉ mang các lĩnh vực này trở nên gần gũi hơn với khách thể, tuy nhiên có thể các lĩnh vực này chưa thực sự nằm trong cảm thức của người Việt về bản sắc cá nhân.

Tóm lại, có rất nhiều hướng nghiên cứu có thể mở rộng và triển khai trên chủ đề bản sắc cá nhân. Trong khi các yếu tố tâm lý có thể xem như yếu tố ảnh hưởng tới bản sắc, đến lượt nó, sự định hình bản sắc cũng góp phần tác động nâng cao sự lành mạnh về mặt tinh thần và điều chỉnh một số yếu tố tâm lý trong đời sống cá nhân.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Minh Hà (2018), “Lý thuyết trạng thái bản sắc của James E. Marcia trong nghiên cứu bản sắc cá nhân ở thanh thiếu niên”, *Kỷ yếu Hội thảo Tâm lý học và sự phát triển bền vững* Tập 2, NXB Hồng Đức, tr.107-116.
2. Nguyễn Minh Hà (2021), “Trạng thái bản sắc ở thanh thiếu niên và mối quan hệ của nó với lòng tự trọng”, *Tạp chí Tâm lý học*, 1 (262).